| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ T**<br>**TỈNH L** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập-Tự do-Hạnh phúc** |

Bản án số: **42**/2021/HNGĐ-ST
Ngày 30-6-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH L**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Tố Loan

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Mạnh Tuân.

2. Bà Nguyễn Thị Tĩnh.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Vũ Thị Mai Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh L*** *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2021/QĐXX-ST ngày 31 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Kim H; sinh năm 1984.

*2. Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn B; sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: số 58A Đường T, Phường D, thành phố T, tỉnh L.

*(Nguyên đơn có đơn đề nghi xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn xin ly hôn đề ngày 14 tháng 4 năm 2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Bà Lê Thị Kim H trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Văn B tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND Phường D, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh L theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35/2005, cấp ngày 20 tháng 4 năm 2005. Bà xác

định từ năm 2012, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm từ cách sống đến cách nuôi dạy con cái, vợ chồng thường xuyên cãi vả, ông B không chăm lo cho gia đình, để mình bà gánh vác mọi việc lại còn thường xuyên có những lời lẽ xúc phạm bà và các con khiến bà và các con luôn có áp lực rất nặng nề trong cuộc sống. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông B.

Về con chung: bà và ông B có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Minh T, sinh ngày 22/7/2006 và Nguyễn Lê Hoàng H, sinh ngày 02/4/2012. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Lê Thị Kim H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bà xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Nguyễn Văn B đã được Tòa án thực hiện việc cấp tống đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông B không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; không đến tham gia phiên tòa do Tòa án tổ chức; không có văn bản thể hiện ý kiến của ông đối với yêu cầu ly hôn của Bà H; không thể hiện ý kiến về nguyện vọng nuôi con chung. Phiên tòa hôm nay, ông B cũng vắng mặt dù đã được tống đạt giấy báo hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Về ý kiến của Viện kiểm sát:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến phiên tòa xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến tham gia phiên tòa. Bà Lê Thị Kim H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định tại các Điều 227; Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa Bà Lê Thị Kim H và ông Nguyễn Văn B là quan hệ hôn nhân hợp pháp, do Bà H và ông B có mâu thuẫn không thể hàn gắn được, nhận thấy ông B đã biết được việc Bà H nộp đơn xin ly hôn nhưng không có ý kiến gì thể hiện sự quan tâm hàn gắn, từ đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà H, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà H, giao 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Minh T, sinh ngày 22/7/2006 và Nguyễn Lê Hoàng H, sinh ngày 02/4/2012 cho Bà H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Bà H không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét. Đương sự phải nộp án phí theo qui định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị Kim H nộp đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Văn B có địa chỉ cư trú ở thành phố T, tỉnh L nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tống đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập ông B đến các phiên tòa sơ thẩm nhưng ông B không chấp hành nên Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông B là đúng theo quy định tại Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử đã xét xử vắng mặt tất cả các được sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kim H và ông Nguyễn Văn B tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường D, thị xã T, (nay là thành phố T) vào năm 2005 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tòa án cũng đã có xác minh về quan hệ tranh chấp dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng của Bà H và ông B tại UBND Phường D, thành phố T, Long An nơi Bà H và ông B sinh sống sau khi kết hôn theo quy định tại Điều 208 BLTTDS nhưng địa phương không nắm rõ nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng giữa Bà Lê Thị Kim H và ông Nguyễn Văn B. Theo lời trình bày của Bà H thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm từ cách sống đến cách nuôi dạy con cái, vợ chồng thường xuyên cãi vả, ông B không chăm lo cho gia đình, để mình bà gánh vác mọi việc lại còn thường xuyên có những lời lẽ xúc phạm bà và các con khiến bà và các con luôn có áp lực rất nặng nề trong cuộc sống. Xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa Bà H và ông B không có tiếng nói chung, không có sự thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Ông B được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, được niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho thấy ông B đã biết được việc Bà H yêu cầu ly hôn với ông nhưng ông không có văn bản thể hiện ý kiến là muốn được đoàn tụ hoặc đưa ra những biện pháp cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, chứng tỏ rằng trong cuộc sống vợ chồng giữa Bà H và ông B đã có những mâu thuẫn không giải quyết được. Hiện Bà H xác định đã không còn tình cảm với ông B nên yêu cầu được chấm dứt hôn nhân. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của Bà H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Bà H và ông B có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Minh T, sinh ngày 22/7/2006 và Nguyễn Lê Hoàng H, sinh ngày 02/4/2012. Bà H có nguyện vọng được nuôi con chung khi ly hôn. Các con chung đã trên 07 tuổi, khi được Tòa án lấy ý kiến thì đều có nguyện vọng được sống với mẹ. Hiện nay, Bà H có thu nhập ổn định đủ khả năng để nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông B cũng không có ý kiến gì về nguyện vọng được nuôi con chung. Vì vây, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho các cháu, Hội đồng xét xử quyết định

giao con chung cho Bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình và phù hợp nguyên vọng của con chung chưa thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con, ông B cũng không có ý kiến gì về việc cấp dưỡng cho con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ.

[4] Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 300.000đ.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

**Tuyên xử:**

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Bà Lê Thị Kim H và ông Nguyễn Văn B.

Về nuôi con chung:

Giao 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Minh T, sinh ngày 22/7/2006 và Nguyễn Lê Hoàng H, sinh ngày 02/4/2012 cho Bà Lê Thị Kim H trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung do Bà Lê Thị Kim H không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con được quyền yêu cầu hạn chế quyền thăm nom nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom làm ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc giáo dục con chung. Vì quyền lợi của con chung, các bên hoặc một bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí*:* Bà Lê Thị Kim H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Bà H đã nộp

theo biên lai thu số 0005344 ngày 04/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh L;
- VKSND TP. Tân An;
- Chi cục THA TP. Tân An;
- UBND pD, TPTA, LA;
- Các đương sự
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Tố Loan**